

BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC DẠY HỌC CHO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH

Đậu Thị Hòa, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Nhận bài ngày: 15/01/2018; ngày sửa chữa: 17/01/2018; ngày duyệt đăng: 31/01/2018.

Abstract: Primary education is the education level that trains the initial foundation of knowledge and key skills as well as the basis for the formation and development of personality. Thus, primary education bears the special features with its own specifically pedagogic characters. In this article, author mentions teaching competence of primary teachers and proposes some measures to foster the teaching competency for primary teachers so that they can perform well the teaching activities towards learner's ability development.

Keywords: Competence, training, primary teachers, student ability, development.

1. Mở đầu

Chúng ta hiện đang sống trong một xã hội ngày càng đa dạng, toàn cầu hóa và biến đổi không ngừng. Những thay đổi và phát triển liên tục ở mọi khía cạnh của cuộc sống, như: con đường phát triển một nền kinh tế mới, một xã hội mới dựa chủ yếu vào các nguồn lực thông tin và tri thức, với xu thế toàn cầu hóa, lối cuốn sự hội nhập của mọi quốc gia. Bên cạnh những thành tựu, lợi ích to lớn mà toàn cầu hóa mang lại thì con người nói chung và thế hệ trẻ nói riêng hiện đang và sẽ phải đối mặt với nhiều vấn đề nảy sinh như: biến đổi khí hậu, nghèo đói, hạn hán, sức khỏe, các vấn đề môi trường và xã hội khác... Những thay đổi này đã tác động rất lớn đến giáo dục của toàn cầu nói chung và giáo dục Việt Nam nói riêng. Hệ thống giáo dục nước ta cần phải điều chỉnh, đổi mới tư duy để có thể đào tạo ra những thế hệ biết chủ động thích nghi, chủ động tham gia sáng tạo và thúc đẩy sự phát triển đất nước. *Thích nghi và sáng tạo* là hai phẩm chất quan trọng của con người trong thời đại ngày nay, đòi hỏi người học phải có những năng lực (NL) cơ bản, cần thiết mới có thể đáp ứng với nhu cầu của xã hội trong thời kì mới.

Dạy học theo hướng phát triển NL là nội dung chương trình và các phương pháp giáo dục phải hướng tới việc hình thành và phát triển các NL cho học sinh (HS), để các em có thể tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo giải quyết được mọi vấn đề trong học tập và cuộc sống. Muốn hướng tới dạy học theo NL thì bản thân giáo viên (GV) phải có những NL cơ bản trong dạy học và trong giáo dục; vì vậy, bồi dưỡng NL cho GV, nhất là giáo viên tiểu học (GVTH) là nhiệm vụ quan trọng và phải đi trước một bước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những năng lực cơ bản của giáo viên trong thế kỉ XXI

2.1.1. Năng lực và cấu trúc năng lực

- *Khái niệm:* Phạm trù NL được hiểu theo nhiều cách khác nhau và mỗi cách hiểu có những thuật ngữ tương ứng. NL hiểu theo nghĩa chung nhất là khả năng mà cá nhân thể hiện khi tham gia hoạt động nào đó ở một thời điểm nhất định; hoặc NL là khả năng thực hiện hiệu quả một nhiệm vụ/một hành động cụ thể, liên quan đến một lĩnh vực nhất định dựa trên cơ sở hiểu biết, kĩ năng, kĩ xảo và sự sẵn sàng hành động. Từ khái niệm NL, lại xuất hiện khái niệm về *NL hành động*: NL hành động là khả năng huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và những thuộc tính tâm lí cá nhân khác (hứng thú, niềm vui, ý chí...) để thực hiện thành công một loại công việc nào đó trong bối cảnh nhất định. NL hành động của cá nhân được đánh giá qua phương thức và kết quả hoạt động của cá nhân khi giải quyết những vấn đề của cuộc sống.

- *Cấu trúc NL:*

+ Xét theo định hướng chức năng, cấu trúc NL hành động bao gồm: *các thành tố của NL* (kiến thức, các khả năng nhận thức, các khả năng thực hành/năng khiếu, thái độ, xúc cảm, giá trị, đạo đức, động cơ) và *bối cảnh* (điều kiện và hoàn cảnh có ý nghĩa). Ví dụ: NL sử dụng ngôn ngữ thường gồm các NL thành phần (đọc hiểu, nghe hiểu, nói, viết...) định hướng thực hiện chức năng giao tiếp, tư duy, kết nối; trong đó có cả thái độ và các thành tố khác (xúc cảm, giá trị, niềm tin...) trong một bối cảnh có ý nghĩa.

+ Xét về cấu trúc, thành phần chung của NL hành động lại được mô tả là sự kết hợp của 4 NL thành phần: *NL chuyên môn* (Professional competency) là khả năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cũng như khả năng đánh giá kết quả chuyên môn độc lập, có phương pháp và chính xác - được tiếp nhận qua việc học nội dung - chuyên môn và chủ yếu gắn với khả năng nhận thức và tâm lí vận động; *NL phương pháp* (Methodical competency) là khả năng hành động có kế hoạch, định

hướng mục đích trong giải quyết các nhiệm vụ. Trung tâm của NL phương pháp là khả năng tiếp nhận, xử lý, đánh giá, truyền thụ và trình bày tri thức - được tiếp nhận qua việc học phương pháp luận - giải quyết vấn đề; *NL xã hội* (Social competency) là khả năng đạt được mục đích trong những tình huống giao tiếp ứng xử xã hội cũng như trong các nhiệm vụ cần phối hợp chặt chẽ với những thành viên khác - được tiếp nhận qua việc học giao tiếp; *NL cá thể* (Individual competency) là khả năng xác định, đánh giá được những cơ hội phát triển cũng như những giới hạn của cá nhân, phát triển năng khiếu, xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển cá nhân, những quan điểm, chuẩn giá trị đạo đức và động cơ chi phối các thái độ, hành vi ứng xử - được tiếp nhận qua việc học cảm xúc - đạo đức và liên quan đến tư duy và hành động tự chịu trách nhiệm.

Cấu trúc NL trên đây có thể cụ thể hoá trong từng lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp khác nhau. Mặt khác, trong mỗi lĩnh vực nghề nghiệp cũng được mô tả bằng các loại NL khác nhau. Trong lĩnh vực giáo dục, có hai nhóm NL quan trọng, đó là: *nhóm năng lực học sinh* (NLHS) và *nhóm năng lực giáo viên* (NLGV).

2.1.2. Các năng lực cơ bản của giáo viên trong thế kỉ XXI:

- *NL chẩn đoán* là NL phát hiện, nhận biết đầy đủ, chính xác và kịp thời sự phát triển của HS, những nhu cầu được giáo dục của từng HS.

- *NL đáp ứng* là NL đưa ra được những nội dung và biện pháp giáo dục đúng đắn, kịp thời, phù hợp với nhu cầu của HS và yêu cầu của mục tiêu giáo dục.

- *NL đánh giá* là NL nhìn nhận sự thay đổi nhận thức, kĩ năng thái độ và tình cảm của HS, giúp nhìn nhận tính đúng đắn của *chẩn đoán* và *đáp ứng*.

- *NL thiết lập mối quan hệ thuận lợi với người khác* như đồng nghiệp, phụ huynh HS và nhất là quan hệ với HS.

- *NL triển khai chương trình dạy học* là NL tiến hành dạy học và giáo dục căn cứ vào mục đích, nội dung đã được quy định, nhưng phù hợp với đặc điểm đối tượng.

- *NL đáp ứng với trách nhiệm xã hội* là NL tạo nên những điều kiện thuận lợi cho giáo dục trong nhà trường và cuộc sống bên ngoài nhà trường.

Trong các tài liệu cũng đã đưa ra nhiều loại NL nghề nghiệp của GV. Tuy nhiên, hoạt động của GV với tư cách là nhà giáo dục gồm 2 dạng hoạt động cơ bản: *dạy học* và *giáo dục*. Do vậy, khi nghiên cứu NL sư phạm của GV, cần nghiên cứu hệ thống các NL tương ứng với 2 dạng hoạt động đó, dù sự phân chia chỉ là tương đối. Theo chúng tôi, việc phát triển các NL nghề nghiệp cho GVTH cần tập trung vào các nhóm NL cơ bản: nhóm NL dạy học; nhóm NL giáo dục; nhóm NL tổ chức hoạt động sư phạm; nhóm NL đánh giá. Bài viết này chỉ đề cập việc bồi dưỡng *nhóm NL dạy học cho GVTH*.

2.2. Một số giải pháp bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên tiểu học

2.2.1. Bồi dưỡng cho giáo viên tiểu học những năng lực cơ bản:

- *NL thiết kế kế hoạch dạy học (thiết kế bài dạy)*: Đây là công việc quan trọng của GV trước khi tổ chức hoạt động học tập của HS ở trên lớp. Bất kì GV nào khi tiến hành thiết kế bài dạy học đều cần suy nghĩ, tính toán, cân nhắc kĩ lưỡng về các vấn đề sau: Học xong bài này HS cần biết được gì và làm được cái gì?; GV phải dạy cái gì? HS cần phải học cái gì và nghiên cứu thêm những vấn đề gì?; Dạy như thế nào? Hướng dẫn HS tự học như thế nào? Tương ứng với những câu hỏi trên chính là những nhiệm vụ cụ thể được thực hiện theo một quy trình thích hợp (quy trình thiết kế bài dạy). Quy trình thiết kế bài dạy gồm các bước cơ bản sau:

+ *Bước 1*: Xác định mục tiêu của bài học căn cứ vào chuẩn kiến thức, kĩ năng và yêu cầu về thái độ trong chương trình.

+ *Bước 2*: Nghiên cứu sách giáo khoa và các tài liệu liên quan bài học để: Hiểu chính xác, đầy đủ những nội dung của bài học; xác định những kiến thức, kĩ năng, thái độ cơ bản cần hình thành và phát triển ở HS; xác định trình tự logic của bài học; xác định khả năng đáp ứng nhiệm vụ nhận thức của HS; xác định những kiến thức, kĩ năng mà HS đã có và cần có; dự kiến những khó khăn, tình huống có thể nảy sinh và các phương án giải quyết.

+ *Bước 3*: Lựa chọn phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học và cách thức đánh giá thích hợp nhằm giúp HS học tập tích cực, chủ động, sáng tạo.

+ *Bước 4*: Thiết kế giáo án: thiết kế nội dung, nhiệm vụ, cách thức hoạt động, thời gian, yêu cầu cần đạt cho từng hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS.

Cấu trúc của một giáo án được thể hiện ở các nội dung sau:

+ *Mục tiêu bài học*: Nêu rõ mức độ HS cần đạt về kiến thức, kĩ năng, thái độ, NL; Các mục tiêu được biểu đạt bằng động từ cụ thể, có thể "lượng hóa" được.

+ *Xác định phương pháp và phương tiện dạy học*: Dựa vào nội dung bài học, GV xác định các phương pháp dạy học phù hợp; chuẩn bị các phương tiện dạy học (tranh, ảnh, mô hình, hiện vật, hóa chất...) và tài liệu dạy học cần thiết; hướng dẫn HS chuẩn bị bài học (soạn bài, làm bài tập, chuẩn bị tài liệu và đồ dùng học tập cần thiết).

+ *Tổ chức các hoạt động dạy học*: Trình bày rõ cách triển khai các hoạt động dạy học cụ thể. Với mỗi hoạt động, cần chỉ rõ: tên hoạt động; mục tiêu, cách tiến hành, thời lượng để thực hiện; kết luận của GV về kiến thức, kĩ năng, thái độ HS cần có sau hoạt động; những tình huống thực tiễn có thể vận dụng kiến thức, kĩ năng, thái độ đã học

để giải quyết vấn đề; những sai sót thường gặp; những hậu quả có thể xảy ra nếu không có cách giải quyết phù hợp...

+ *Hướng dẫn các hoạt động tiếp nối*: xác định những việc HS phải tiếp tục thực hiện sau giờ học để củng cố, khắc sâu, mở rộng bài cũ hoặc chuẩn bị cho việc học bài mới.

Có nhiều kiểu mẫu thiết kế bài dạy theo hướng phát triển NL, sau đây chúng tôi đưa ra một mẫu được đa số GVTH sử dụng:

Mẫu thiết kế bài học

TÊN BÀI HỌC

Các hoạt động	Hoạt động cụ thể
Hoạt động 1: A. Mục tiêu: ... B. Phương pháp: ... C. Đồ dùng dạy học: ...	Hoạt động nhóm (gồm 2, 3, 4, 5 HS hoặc cả lớp) + Giao việc: ... + Thảo luận: + Trình bày: + Lớp góp ý, nhận xét, bổ sung. + GV kết luận: ...
Hoạt động 2: A. Mục tiêu: ... B. Phương pháp: ... C. Đồ dùng dạy học: ...	Hoạt động nhóm (gồm 2, 3, 4, 5 HS hoặc cả lớp) + Giao việc: ... + Thảo luận: + Trình bày: + Lớp góp ý, nhận xét, bổ sung. + GV kết luận:

- *NL hiểu trình độ HS trong dạy học và giáo dục* là khả năng thâm nhập vào thế giới bên trong của trẻ, hiểu biết tường tận về nhân cách cũng như NL quan sát tinh tế những biểu hiện tâm lý của HS trong quá trình dạy học và giáo dục. NL hiểu HS được biểu hiện: Xác định được khối lượng kiến thức đã có và mức độ, phạm vi lĩnh hội của HS, từ đó xác định mức độ và khối lượng kiến thức mới cần hướng dẫn HS chiếm lĩnh. Dựa vào sự quan sát tinh tế, GV có thể nhận biết được những HS khác nhau đã lĩnh hội bài giảng như thế nào, dự đoán được mức độ hiểu bài và có khi còn phát hiện được cả mức độ hiểu sai lệch của chúng; dự đoán được những thuận lợi và khó khăn, xác định đúng mức độ căng thẳng cần thiết khi HS phải thực hiện những nhiệm vụ nhận thức. NL hiểu HS là kết quả của một quá trình lao động đầy trách nhiệm, thương yêu, sâu sát HS, nắm vững môn mình dạy, am hiểu đầy đủ về tâm lý học trẻ em và tâm lý học sư phạm cùng với một số phẩm chất tâm lý khác (quan sát, óc tưởng tượng, khả năng phân tích, tổng hợp...)

- *NL tri thức và hiểu biết của GV*: Đây là NL cơ bản, một trong những NL trụ cột của nghề dạy học, vì: Tiến

bộ của khoa học, kỹ thuật nên xã hội đề ra những yêu cầu ngày càng cao đối với trình độ văn hóa chung của thế hệ trẻ, làm cho hứng thú và nguyện vọng của thế hệ trẻ ngày càng phát triển; GV có nhiệm vụ phát triển nhân cách HS; tạo uy tín cho người thầy.

GV có tri thức và tầm hiểu biết rộng, thể hiện ở: Nắm vững và hiểu biết kiến thức môn mình phụ trách; thường xuyên theo dõi những thành tựu mới trong lĩnh vực khoa học thuộc môn mình phụ trách; có NL tự học, tự bồi dưỡng để bổ túc và hoàn thiện tri thức của mình.

Để có NL này, đòi hỏi GV cần có: Nhu cầu mở rộng tri thức và tầm hiểu biết; có những kỹ năng để làm thỏa mãn nhu cầu đó (phương pháp tự học).

- *NL “ché biến” tài liệu học tập (phát triển chương trình)* nhằm phù hợp tối đa với trình độ, đặc điểm, nhân cách HS và đảm bảo logic sư phạm. NL này được thể hiện ở: Đánh giá đúng tài liệu, xác lập được mối quan hệ giữa yêu cầu kiến thức của chương trình với trình độ nhận thức của HS; biết xây dựng lại tài liệu để hình thành cấu trúc bài giảng vừa hợp với logic nhận thức, vừa hợp với logic sư phạm, lại thích hợp với trình độ nhận thức của trẻ. Muốn làm được điều đó, GV cần đảm bảo những yêu cầu: Có khả năng phân tích, tổng hợp và hệ thống hóa kiến thức; phải có óc sáng tạo, tìm ra những phương pháp mới, hiệu quả để bài giảng giàu sức lôi cuốn, cảm xúc tích cực, nhạy cảm với cái mới.

- *NL sử dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học*. Kết quả lĩnh hội tri thức phụ thuộc vào 3 yếu tố: *trình độ nhận thức của HS, nội dung bài giảng và cách dạy của GV*. Chuẩn bị bài tốt nhưng muốn dạy học đạt kết quả cao, GV phải có phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, phù hợp để truyền đạt đến HS. NL này được thể hiện ở chỗ: Nắm vững phương pháp và kỹ thuật dạy học mới, tạo cho HS ở vị trí “người phát minh” trong quá trình dạy học; truyền đạt tri thức rõ ràng, dễ hiểu và làm cho nó trở nên vừa sức với HS; tạo hứng thú và kích thích HS suy nghĩ tích cực, độc lập; tạo ra tâm thế có lợi cho sự lĩnh hội kiến thức và học tập của HS. Việc hình thành NL sử dụng phương pháp và phương tiện dạy học là không dễ dàng, đó là kết quả của một quá trình học tập nghiêm túc, rèn luyện tay nghề công phu và bền bỉ của GV.

- *NL sử dụng phương tiện dạy học và công nghệ thông tin hỗ trợ dạy học*: Đa phương tiện và công nghệ thông tin vừa là nội dung dạy học, vừa là phương tiện dạy học trong dạy học hiện đại. Tuy nhiên, khi sử dụng cần chú ý: Phương tiện trực quan và công nghệ thông tin phải phù hợp với nội dung bài học, với đặc điểm tâm sinh lý và trình độ nhận thức của HS; phải có tác dụng là nguồn tri thức để HS khai thác, tránh chỉ là những đồ dùng minh họa cho lời nói.

Các bước tổ chức sử dụng phương tiện trực quan và công nghệ thông tin trong dạy học: + *Bước 1*: Xác định mục tiêu, nội dung, tính chất của bài học; + *Bước 2*: Lựa

chọn phương tiện trực quan phù hợp với mục tiêu, nội dung và tính chất của bài học. Để thực hiện bước này, GV cần tìm hiểu điều kiện thực tế của nhà trường về phương tiện trực quan, trên cơ sở đó lựa chọn cho phù hợp; + *Bước 3*: Chuẩn bị các điều kiện để sử dụng tốt phương tiện trực quan; + *Bước 4*: Chuẩn bị cách thức hướng dẫn HS làm việc với phương tiện trực quan và công nghệ thông tin; + *Bước 5*: Tổ chức HS phân tích phương tiện trực quan và liên hệ với các kiến thức; + *Bước 6*: Tổ chức HS khái quát hóa kiến thức học tập.

- *NL ngôn ngữ* là NL biểu đạt rõ ràng, mạch lạc, ý nghĩa, tình cảm của mình bằng lời nói cũng như nét mặt và điệu bộ. NL ngôn ngữ là một trong những NL quan trọng của GV, là công cụ đảm bảo cho GV thực hiện chức năng dạy học và giáo dục của mình. NL ngôn ngữ của GV cần đảm bảo các yêu cầu sau: Nội dung ngôn ngữ sâu sắc; Hình thức ngôn ngữ giản dị, sinh động; Có kĩ năng và kĩ xảo sử dụng khả năng truyền cảm của mình trước HS bằng cách tận dụng và phối hợp giữa lời nói với ngôn ngữ phụ và những phương tiện của ngôn ngữ.

2.2.2. Những đề xuất đối với các cấp quản lí trong bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên tiểu học

- *Đối với Bộ GD-ĐT*: Cần xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn bồi dưỡng NL nghề nghiệp cho GV cụ thể cả về nội dung, thời lượng, thời gian và kế hoạch thực hiện; tránh tình trạng một nội dung mà nhiều cơ quan chức năng các cấp bồi dưỡng lặp lại gây lãng phí và kém hiệu quả; cần giao nhiệm vụ cho các trường đào tạo GV (các trường đại học và cao đẳng sư phạm) biên soạn tài liệu bồi dưỡng NL nghề nghiệp GV theo từng chuyên đề. Cụ thể: Các tài liệu này nên đăng tải trên các trang web của ngành, miễn phí, tiện lợi để GV có thể tham khảo, tự học và tự nghiên cứu; đối với các đợt tập huấn GV, Bộ GD-ĐT nên giao nhiệm vụ cho các trường đào tạo GV thực hiện.

- *Đối với Sở GD-ĐT*: Cần lựa chọn đội ngũ GV cốt cán tốt nhất để đảm nhiệm việc bồi dưỡng NL nghề nghiệp cho GV. GV cốt cán là người phải thực hiện hài hòa 3 sứ mệnh sau: Người truyền đạo - Người thụ nghiệp - Người giảng giải.

Sở GD-ĐT cần hợp tác, quan hệ mật thiết với các trường trên địa bàn để hỗ trợ đắc lực trong việc bồi dưỡng NL cho GV theo từng chuyên môn. Lực lượng giảng viên ở các trường sư phạm có đầy đủ điều kiện để có thể thực hiện công tác bồi dưỡng có chất lượng, hiệu quả; nắm bắt nhu cầu thiết thực của GV, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng NLGV thường xuyên; có biện pháp kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng chính xác và khách quan

- *Đối với các cơ sở giáo dục tiểu học*: Kiểm tra, đánh giá chính xác, khách quan trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của từng GV; có kế hoạch cử GV đi học tập, bồi dưỡng đúng nhu cầu. Các tổ chuyên môn cần đổi mới sinh hoạt chuyên môn, tổ chức dự giờ, trao đổi, rút kinh nghiệm trong giảng dạy; tổ chức seminar, báo cáo các chuyên đề liên quan đến các NL nghề nghiệp; giao lưu về học thuật với các trường, đặc biệt với các trường đào tạo GV để giúp nâng cao NL chuyên môn và giải quyết những khó khăn gặp phải trong quá trình dạy học.

3. Kết luận

GV là lực lượng nòng cốt tham gia và trực tiếp thực hiện nhiệm vụ giáo dục HS phát triển về trí tuệ, hiểu biết và nhân cách con người; là người không chỉ thực hiện nhiệm vụ của bản thân, với gia đình, với HS, cha mẹ HS mà còn thể hiện nhiệm vụ với xã hội, với vận mệnh và tương lai của đất nước. Vì vậy, mỗi GV phải là một tấm gương sáng về đạo đức và tự học, cần bồi dưỡng cho mình các NL cơ bản để thực hiện nhiệm vụ dạy học tốt nhất, hiệu quả nhất. Việc nâng cao NL dạy học của GV quyết định chất lượng giáo dục trong nhà trường. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, khuyến khích, tạo điều kiện cho GV học tập, bồi dưỡng là những quyết sách đúng đắn, bền vững để phát triển một nền giáo dục có chất lượng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2017). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (trong chương trình giáo dục phổ thông mới)*.
- [2] Bộ GD-ĐT (2014). *Tài liệu tập huấn Dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh*.
- [3] Bộ GD-ĐT (2006). *Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học*. NXB Giáo dục.
- [4] Nguyễn Thị Kim Dung (2015). *Yêu cầu của xã hội thế kỉ XXI và những năng lực cốt lõi cần có đối với học sinh Việt Nam sau 2015*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 60, tr 3-9.
- [5] Phạm Hồng Quang (2009). *Giải pháp đào tạo giáo viên theo định hướng năng lực*. Tạp chí Giáo dục, số 216, tr 9-12.
- [6] Phạm Đỗ Nhật Tiến (2009). *Đào tạo cán bộ quản lí giáo dục theo nhu cầu xã hội*. Tạp chí Giáo dục, số 216, tr 4-8.
- [7] Edgar Morin (2008). *Bảy tri thức tất yếu cho nền giáo dục tương lai*. NXB Tri thức.
- [8] Lưu Xuân Mới (2000). *Lí luận dạy học hiện đại*. NXB Giáo dục Việt Nam.